

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT
Ngày: 15-9-2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ.

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Cường

Bà Trần Thị Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: ông Khúc Tân Nam là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLPT-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU, địa chỉ: Số 300, đường Nguyễn Văn Rốp, khu phố 5, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Đỗ Duy T – Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN; địa chỉ: Số D1, D2, phường D3, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Ngọc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: số T1, Quốc lộ T2, phường T3, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn, Ông Phạm Đỗ Duy T trình bày:

Ngày 05-3-2020, giữa Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU (gọi tắt Công ty TU) và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN (gọi tắt là Công ty DN) có ký kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ. Nhiệm vụ của bảo vệ là bảo vệ về tài sản, về trật tự trong khuôn công trình tại địa chỉ Đường D4, KCN Phước Đông, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thù lao được thỏa thuận như sau: lúc đầu là 01 nhân viên bảo vệ 24/24 thì phí là 15.000.000 đồng/tháng được thực hiện từ 06 giờ sáng ngày 07-3-2020 đến ngày 05-6-2020. Từ ngày 05-6-2020, bổ sung thêm 01 nhân viên bảo vệ thêm một vị trí; phí bổ sung là 7.500.000 đồng/tháng. Hợp đồng giữa hai bên kết thúc vào ngày 05-12-2020 do công trình xây dựng đã kết thúc nên giữa hai bên kết thúc hợp đồng với nhau. Trước khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ thì ngày 07-3-2020, giữa bên Công ty DN và Công ty TU có biên bản bàn giao tài sản với nhau, nhiệm vụ của nhân viên bảo vệ là bảo vệ những tài sản theo biên bản bàn giao này. Trong quá trình thực hiện thi công công trình tại KCN Phước Đông thì phía Công ty DN nhập rất nhiều tài sản cụ thể là máy móc, nguyên vật liệu để thi công. Tuy nhiên, phía Công ty DN không làm thủ tục bàn giao các tài sản này cho nhân viên bảo vệ của Công ty TU. Ông xác nhận nhân viên bảo vệ của Công ty TU có ký xác nhận vào những phiếu xuất, nhập kho cho Công ty DN. Tuy nhiên việc ký xác nhận vào phiếu xuất nhập kho để kiểm tra phiếu này đã được thủ kho ký xác nhận hay chưa; việc ký vào phiếu xuất nhập kho này không đồng thời xác nhận trách nhiệm của công ty ông là phải bảo vệ đối với những tài sản này. Vì khi tài sản được đưa vào công trình sẽ được nhập vào kho và có thủ kho giữ, nhân viên bảo vệ chỉ được bảo vệ vòng ngoài.

Vào ngày nào không nhớ, phía Công ty DN có báo bị mất dây điện, có xác nhận của nhân viên bảo vệ. Do đó, Công ty TU đã bồi thường cho Công ty DN xong. Vào ngày 25-10-2020, phía Công ty DN báo mất 02 máy hàn và 01 máy cắt. Nhân viên bảo vệ không thừa nhận lỗi dẫn đến bị mất mát tài sản. Do đó, có yêu cầu Công ty DN báo công an Đến đến giải quyết nhưng Công ty DN không báo. Phía Công ty DN có công văn yêu cầu Công ty TU bồi thường nhưng phía Công ty TU không đồng ý bồi thường vì những tài sản này không được bàn giao cho Công ty TU để bảo vệ. Đến ngày 31-12-2020, phía Công ty DN yêu cầu bồi thường số tiền 110.632.374 đồng.

Ông đại diện Công ty TU yêu cầu Công ty DN thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ tổng số tiền là 48.750.000 đồng. Cụ thể tháng 10/2020 là 22.500.000 đồng;

tháng 11/2020 là 22.500.000 đồng; tháng 12/2020 (từ ngày 01/12 đến 05/12) là 3.750.000 đồng. Ông đại diện Công ty TU không đồng ý bồi thường số tiền 110.632.374 đồng tương ứng giá trị tài sản bị mất.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông đại diện Công ty DN thừa nhận hiện công ty còn nợ phí dịch vụ bảo vệ của Công ty TU số tiền 48.750.000 đồng. Lý do, hiện nay Công ty DN chưa thanh toán cho Công ty TU vì cho rằng Công ty TU khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản cho Công ty DN gây thất thoát tài sản như bản kê ngày 31-12-2020 là 110.632.374 đồng. Do đó, giữa Công ty DN và Công ty TU chưa tất toán hợp đồng dịch vụ ngày 05-3-2020. Theo hợp đồng dịch vụ phía Công ty TU phải bảo vệ, quản lý tất cả những tài sản mà Công ty DN nhập đến KCN Phước Đông để thi công công trình. Trách nhiệm của nhân viên bảo vệ phải đưa ra phương án để bảo vệ mục tiêu đúng quy định. Khi nhân viên bảo vệ đã xác nhận có số lượng tài sản được nhập vào thì khi xuất kho ra phải kiểm tra số lượng có đúng với phiếu xuất không. Trong biên bản kiểm kê tại công trình ngày 18-11-2020, những tài sản nào xác định do người khác làm mất (không phải Công ty TU) thì Công ty DN không yêu cầu Công ty TU bồi thường như bản kê ngày 31-12-2020. Việc Công ty TU cho rằng ngày 25-10-2020, phía Công ty DN có báo mất tài sản, phía nhân viên bảo vệ nếu không thừa nhận thì phía Công ty TU phải có trách nhiệm báo mất tài sản đến Công an Đồng để chứng minh cho mình không liên quan đến việc mất mát này. Những tài sản mà Công ty DN yêu cầu Công ty TU bồi thường là những tài sản có phiếu xuất, nhập kho và có nhân viên bảo vệ của Công ty TU ký xác nhận. Thực tế, Công ty DN bị mất mát số tài sản nhiều hơn bản kê ngày 31-12-2020.

Ông đại diện Công ty DN đồng ý thanh toán phí dịch vụ bảo vệ còn lại cho Công ty TU; trong trường hợp Công ty TU phải bồi thường số tiền 110.632.374 đồng tương ứng giá trị tài sản bị mất cho Công ty DN. Tại tòa án cấp sơ thẩm, phía đại diện Công ty DN không đồng ý thanh toán chi phí dịch vụ cho Công ty TU vì cho rằng Công ty TU không đủ điều kiện kinh tế.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, 515 Bộ luật Dân sự; các Điều 74, 85, 87, 302, 303 Luật Thương mại; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU số tiền 48.750.000 đồng. Ghi nhận Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN yêu cầu Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU bồi thường thiệt hại số tiền 110.632.374 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13-6-2022 Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy :

[2] Về tố tụng: Ngày 13-6-2022, Công ty DN kháng cáo, đơn kháng cáo phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hai bên công ty đều thừa nhận ngày 05-3-2020 có giao kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 0520/HĐBV, thời hạn là 04 tháng từ ngày 07-3-2020 đến ngày 07-7-2020, tiền phí dịch vụ là 15.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 03-6-2020, hai bên công ty tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 1020/PLHĐ-ANTU, thêm 01 vị trí trực và phí dịch vụ thêm 7.500.000 đồng/tháng/01 vị trí bảo vệ. Ngày 03-9-2020 đến ngày 04-11-2020, hai bên công ty ký tiếp phụ lục hợp đồng số 1120/PLHĐ-ANTU, nội dung là gia hạn thời hạn kết thúc hợp đồng đến ngày 06-12-2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TU đã cung ứng dịch vụ bảo vệ đúng theo nghĩa vụ của hợp đồng đã ký. Phía Công ty DN thừa nhận đến ngày 05-12-2020, hai bên kết thúc hợp đồng và còn nợ lại phí dịch vụ bảo vệ của Công ty TU là 48.750.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

Công ty TU, buộc Công ty DN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TU 48.750.000 đồng là hợp lý.

[2.1] Xét kháng cáo của Công ty DN thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TU vẫn yêu cầu Công ty DN thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ 48.750.000 đồng và không đồng ý bồi thường thiệt hại số tài sản mà Công ty DN cho rằng bị mất trong quá trình bảo vệ, trị giá tài sản thiệt hại là 110.632.300 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TU cung cấp bản tổng hợp định danh tài sản đền bù tại công trình Phước Đông 2, số tài sản mất mát thành tiền đền bù là 72.757.200 đồng.

Kháng cáo của Công ty DN cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét chứng cứ của Công ty DN, bỏ qua việc Công ty TU chấp nhận bồi thường cho Công ty DN tại phiên tòa. Thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TU không đồng ý bồi thường cho Công ty DN. Công ty DN cung cấp các chứng cứ như hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, số lượng kiểm kê bàn giao tại công trình ngày 5-12-2020 (có 02 bên công ty cùng ký tên), số lượng kiểm kê thực tế ngày 20-15-2020 của Công ty DN để tính ra tài sản mất mát, trị giá tài sản mất mát, thành tiền đền bù.

[2.2] Phiếu nhập kho có 11 phiếu không có bảo vệ ký vào mục thành tiền từ ngày 20-02-2020 đến 13-3-2020 với rất nhiều tài sản, chủng loại, nhãn hiệu; không xác định được số tài sản này có nhập kho của công trình có được bảo vệ hay không (từ bút lục 278-286).

Phiếu xuất kho có 05 phiếu không có bảo vệ ký tên vào mục ghi chú với nhiều loại tài sản, chủng loại, nhãn hiệu (từ ngày 20-01-2022 đến 26-01-2022), không rõ số tài sản này có xuất qua cổng bảo vệ hay không.

Xét hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 05-3-2020 và các phụ lục hợp đồng đến ngày 06-12-2020. Sau khi ký hợp đồng dịch vụ, ngày 07-3-2020 hai bên công ty lập biên bản bàn giao 35 loại tài sản cho Công ty TU bảo vệ. Sau đó bên Công ty DN không lập biên bản bàn giao tài sản cho Công ty TU, chỉ có phiếu nhập kho bảo vệ ký tên vào mục thành tiền, phiếu xuất kho bảo vệ ký tên vào mục ghi chú; không có hợp đồng nào, phụ lục hợp đồng nào nêu bảo vệ ký tên vào mục thành tiền, mục ghi chú để làm gì. Trong khi đó Công ty TU cho rằng bảo vệ ký tên vào mục thành tiền phiếu nhập kho và ký tên vào mục ghi chú phiếu xuất kho, việc ký xác nhận này là để kiểm tra phiếu này đã được thủ kho ký xác nhận hay chưa, vì tài sản này được đưa vào công trình để sửa chữa, xây dựng, sẽ được nhập vào kho và có khóa cửa, thủ kho giữ chìa khóa, nhân viên bảo vệ chỉ được bảo vệ vòng ngoài. Trong thời gian bảo vệ thi công công trình cấp thoát nước khu công nghiệp, nhập rất nhiều tài sản, chủng loại lớn nhỏ, dài ngắn khác nhau nhưng thủ kho xuất kho cho công nhân thi công công trình không có sổ ghi chép số lượng, chủng loại. Đến ngày hết hạn bảo vệ công trình, Công ty DN, thủ kho không biết được tài sản bị mất mát ngày nào, số lượng bao nhiêu. Tại bản tổng hợp hao hụt mất mát tại công trình Phước Đông 2, Công ty DN xác định số lượng nhập kho, xuất kho, số lượng tồn theo chứng từ, số lượng tồn kiểm kê thực tế ngày 20-12-2020, sau ngày Công

ty TU hết hạn bảo vệ (06-12-2020) tính ra tài sản bị mất trị giá đền bù là 110.632.374 đồng là không hợp lý.

Từ những nhận định trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty DN là hợp lý. Công ty DN kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty DN phải chịu 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74, 85, 87, 302, 303 [Luật Thương mại](#); Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU số tiền 48.750.000 (bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ghi nhận Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN yêu cầu Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU bồi thường thiệt hại số tiền 110.632.374 (một trăm mười triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN phải chịu là 7.969.000 (bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0026265 ngày 27-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.969.000 (bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

- Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH Bảo vệ An ninh TU số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0015191 ngày 11-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ Môi trường DN phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0026676 ngày 24-6-2022 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã kí

Trần Tuấn Vũ